

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HS-ST
Ngày 31/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Văn C và bà Lò Thị T
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lâu Văn C**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông: Phạm Viết T - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HS ngày 17/10/2018 đối với bị cáo:

Lâu Văn D Sinh ngày 20/02/2002; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Nơi cư trú: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Lâu Văn C; Sinh năm: 1970 (hiện tại bị tâm thần). Con bà: Thao Thị L, sinh năm: 1972. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Nơi cư trú: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên Tòa

Người bị hại: Hà Thị H, sinh năm: 1979;

Trú tại: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, Thanh Hóa, **Vắng mặt.**

Người giám hộ cho bị cáo: Thao Thị L (mẹ đẻ bị cáo)

Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người phiên dịch: Ông: **Lâu Văn P**, sinh năm: 1987. Dân tộc: Mông

Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 07/5/2018 bị cáo đến cửa hàng tạp hóa của gia đình bị hại mua hàng và quan sát thấy bị hại để túi xách đựng tiền trong tủ kính tại quầy hàng, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo đi bộ đến khu vực sau trụ sở Bưu điện xã Pù Nhi, thấy gia đình bị hại đã tắt điện ngủ, cửa phụ sau nhà không khóa, không chốt mà chỉ khép lại để hở, bị cáo liền mở cửa chui vào trong nhà bị hại lục tìm được Hai dây sữa Mộc Châu, một ít kẹo lạc rồi đi ra khu vực sau nhà bị hại để ăn. Ăn xong bị cáo tiếp tục đi vào nhà bị hại, tìm đến tủ kính lấy được hai túi xách rồi đi ra khu vực phía sau trụ sở Bưu điện xã Pù Nhi mở ra xem, bên trong túi có nhiều thẻ cào điện thoại của các nhà mạng Viettel, VinaPhone với nhiều mệnh giá khác nhau nhưng bị cáo không để ý mà bị cáo lấy số tiền mặt 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng rồi bỏ lại túi xách, các thẻ cào điện thoại tại đây.

Sáng sớm ngày 08/5/2018 bị cáo bắt xe khách đi từ bản Na Tao, xã Pù Nhi đến bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn dùng tiền trộm cắp được tiêu sài cá nhân hết 3.400.000 (*ba triệu bốn trăm nghìn*) đồng. Chiều ngày 09/5/2018 bị cáo đến đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và tự nguyện giao nộp lại số tiền trộm cắp còn lại là 2.100.000 (*Hai triệu một trăm nghìn*) đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 10/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát kết luận:

+ 02 (Hai) dây sữa, nhãn hiệu Mộc Châu tại thời điểm bị xâm hại tháng 5/2018 có giá trị là 56.000đ (*Năm mươi sáu nghìn đồng*);

+ 08 (Tám) viên kẹo lạc tại thời điểm bị xâm hại tháng 5/2018 có giá trị là 16.000đ (*Mười sáu nghìn đồng*);

+ 02 (Hai) túi xách cá nhân, cùng là loại túi nhỏ cầm tay, màu xám, có dây đeo, kích thước 22cm x 32cm, bên trong túi có nhiều ngăn, mỗi ngăn túi có khóa kéo trên mép, được mua mới sử dụng từ tháng 10 năm 2017 tại thời điểm bị xâm hại tháng 5/2018 có giá trị là 100.000 (*Một trăm nghìn đồng*).

Như vậy: Tổng giá trị tài sản bị cáo đã xâm hại trong vụ án là: **13.672.000** (*Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng.

Về vật chứng:

Các vỏ hộp sữa, vỏ kẹo lạc; hai túi xách và các thẻ cào điện thoại của các nhà mạng Viettel, VinaPhone với nhiều mệnh giá khác nhau. Theo lời khai của bị cáo: Ngay sau khi trộm cắp được đã vút lại tại khu vực phía sau trụ sở Bưu điện xã Pù Nhi thuộc bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan

CSĐT Công an huyện Mường Lát đã tiến hành xác minh, truy tìm tại khu vực nêu trên. Tuy nhiên, không phát hiện đồ vật nào có đặc điểm như bị can khai nên không thu giữ được vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát bị cáo đã giao nộp lại số tiền 2.100.000 (*hai triệu một trăm nghìn*) đồng để trả lại cho bị hại. Số tiền thiệt hại còn lại là 11.572.000 (*mười một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng, gia đình bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại. Tuy nhiên, người bị hại xét thấy gia đình bị cáo là hộ nghèo, kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn không có khả năng đền bù tài sản đã trộm cắp nên người bị hại không đưa ra yêu cầu, đề nghị bồi thường dân sự nào đối với bị cáo.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-ML ngày 27/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội *Trộm cắp tài sản*, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề nghị HĐXX:

+ Về Điều luật: Áp dụng: Khoản 1 điều 173; Điều 36; điều 91, điều 100; Điểm i, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

+ Về hình phạt:

- *Hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo từ 12 (*Mười hai*) đến 14 (*Mười bốn*) tháng cải tạo không giam giữ.

- *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo thuộc hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo. Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; **Điểm đ khoản 1 điều 12** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Miễn **án** phí HSST cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, tuổi còn nhỏ lại không biết chữ, bố bị bệnh không có khả năng lao động... đề nghị HĐXX **xem xét** cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không phạt tù mà cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ý kiến của người giám hộ cho bị cáo: Tại phiên tòa người giám hộ cho bị cáo bị cáo đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hình phạt thấp nhất để bị cáo được ở nhà giúp đỡ gia đình.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất. Bị cáo hứa sẽ không đi trộm cắp nữa mà đi làm thuê kiếm tiền phụ giúp mẹ

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Bị cáo lợi dụng chủ sở hữu trong đêm khuya khi đã ngủ say, có sự sơ hở của trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút vào nhà chiếm đoạt tổng tài sản giá trị 13.672.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là hành vi “Trộm cắp tài sản”

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận định giá, ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và chứng cứ, khác trong hồ sơ đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi trộm cắp của bị cáo chưa gây nguy hiểm cho xã hội nhưng xâm phạm đến quyền quản lý, bất khả xâm phạm tài sản của cá nhân, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu, mục đích của bản thân.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải bị cáo đã ra đầu thú khi biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, gia đình thuộc hộ nghèo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, điểm s khoản 1; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về hình phạt:* Với tính chất của vụ án, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, mặt khác theo xác minh của cơ quan điều tra thì bị cáo có hoàn cảnh éo le, bố bị bệnh và bị liệt, không tự làm được các việc cá nhân. HĐXX thấy cần xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại đã nhận lại một phần tài sản, phần còn lại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo thuộc hộ nghèo, không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Lâu Văn D** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 điều 173; Điều 36; Điều 91, Điều 100; Điểm i, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Lâu Văn D **01 (Một)** năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Gia đình và UBND xã Pù Nhi giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm đ **khoản 1 điều 12 Nghị quyết** số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Về kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, **người giám hộ cho bị cáo;** người bào chữa cho bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT-Công an H. Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, H Mường Lát;
- Bị cáo; Người bị hại; Người bào chữa;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T

